TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 401/2026/DS-ST Ngày: 05-6-2026 V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Tạ Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trần Khánh Duy- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3- Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 929/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 568/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026; Quyết định Hoãn phiên toà số 479/QĐST-DS ngày 13/5/2026; Thông báo xét xử sơ thẩm số 282/TBXX-ST ngày 13/5/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần L**. Trụ sở: L1, số B đường T, phường H, Thành phố Hà Nội. Đại diện uỷ quyền: Ông Hồ Thanh D (Điện thoại: 0949.777876); Ông Lâm Dương Thiện P (Điện thoại: 0337003030)- Chuyên viên xử lý nợ; ông Lương Văn H (Điện thoại: 0906.258.606)- Trưởng nhóm xử lý nợ. Địa chỉ liên hệ: 62 đường L, phường N, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tiến K**; sinh năm: 1982

Bà **Phạm Thị Ú**; sinh năm: 1986 (Điện thoại: 0979959.387).

Địa chỉ: B ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần L cho rằng:

Ông Nguyễn Tiến K và bà Phạm Thị Ú có ký Hợp đồng tín dụng số HDTD9032022145 ngày 19/12/2022 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (Nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần L).

Nội dung thoả thuận của hợp đồng: ông K, bà Ú vay của nguyên đơn số tiền vay 350.000.000 đồng (Ba trăm năm triệu đồng), phương thức vay: từng lần; mục đích vay: để cải tạo và chăm sóc vườn cây ăn trái; thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay: cố định trong 03 tháng đầu là 11.95%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần với mức lãi suất cơ sở tại thời điểm áp dụng + biên độ 5.2%/năm; lãi nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: 06 tháng/lần trong 10 kỳ, mỗi kỳ trả gốc 35.000.000 đồng; thoả thuận trả lãi hàng tháng.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, vợ chồng ông Nguyễn Tiến K, bà Phạm Thị Ú có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC9032022145 ngày 19/12/2022; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 115, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.737m^2 LUC toạ lạc tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cũ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07946 ngày 13/10/2022 do ông Nguyễn Tiến K đứng tên. Hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng: nguyên đơn đã giải ngân theo hai khế ước nhận nợ sau:

* Ngân hàng đã giải ngân tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 9032022145/01 ngày 20/12/2022; thời hạn vay là 60 tháng. Ông K đã thanh toán đến ngày 20/12/2024 được tiền gốc: 40.000.000đ và lãi thì ngưng cho đến nay.

Tạm tính đến ngày 05/6/2026, bị đơn còn nợ tổng cộng: 77.503.107 đồng; trong đó: vốn gốc: 60.000.000 đồng + lãi trong hạn: 13.547.998 đồng + lãi quá hạn: 3.955.109 đồng.

* Ngân hàng đã giải ngân tiền vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 9032022145/02 ngày 24/3/2023; thời hạn vay là 56 tháng. Ông K đã thanh toán đến ngày 26/3/2025 được tiền gốc: 77.798.567 đồng và lãi 36.568.026 đồng thì ngưng cho đến nay.

Tạm tính đến ngày 05/6/2026, bị đơn còn nợ tổng cộng: **239.236.647** đồng; trong đó: vốn gốc: 172.201.433 đồng + lãi trong hạn: 46.629.167 đồng + lãi quá hạn: 20.236.647 đồng.

Ngoài ra, ngày 10/5/2023, ông K có ký Giấy Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn; loại thẻ Visa JCB, hạn mức tín dụng 20.000.000đ. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận của hợp đồng đã ký. Tạm tính đến này 05/6/2026; bị đơn còn nợ Thẻ tín dụng: 43.734.699 đồng; trong đó: nợ gốc: 16.135.725 đồng + lãi quá hạn, số tiền là 27.598.974 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện,

Yêu cầu ông Nguyễn Tiến K, bà Phạm Thị Ú phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần L tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 05/6/2026; tổng cộng là 360.474.453 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng); cụ thể các khoản nợ còn thiếu của:

1. Hợp đồng tín dụng số HDTD9032022145 ngày 19/12/2022; Theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 9032022145/01 ngày 20/12/2022, Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 9032022145/02 ngày 24/3/2023; tổng cộng là: 316.739.754 đồng; trong đó: nợ gốc: 232.201.433đ + lãi trong hạn: 60.177.165 đ + lãi quá hạn: 24.361.156 đồng.

2. Nợ Thẻ tín dụng: 43.734.699 đồng; trong đó: nợ gốc: 16.135.725 đồng + lãi quá hạn 27.598.974 đồng.

Và lãi phát sinh kể từ ngày 06/6/2026 đến khi thanh toán tất nợ theo lãi suất thoả thuận tại các hợp đồng đã ký.

Nếu Nguyễn Tiến K, bà Phạm Thị Ú không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC9032022145 ngày 19/12/2022 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Tiến K và bà Phạm Thị Ú cho rằng:

Thừa nhận vợ chồng ông bà có ký Hợp đồng tín dụng số HDTD9032022145 ngày 19/12/2022 và hai khế ước nhận nợ như trên với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B để vay số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) với nội dung thoả thuận như trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà đã nhận đủ tiền vay, có thanh toán trễ hạn và còn nợ số tiền gốc, lãi như nguyên đơn trình bày là đúng.

Ngoài ra, ông K có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Quá trình sử dụng thẻ, có vi phạm nghĩa vụ thanh toán như nguyên đơn trình bày.

Để đảm bảo hợp đồng vay; ông, bà có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC9032022145 ngày 19/12/2022 thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 115, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.737m^2 LUC

toạ lạc tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07946 ngày 13/10/2022 do ông Nguyễn Tiến K đứng tên.

Nay ông, bà thừa nhận còn thiếu số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng 232.201.433 đồng + nợ gốc Thẻ tín dụng 16.135.725 đồng và tiền lãi như ngân hàng nêu trên là đúng và đồng ý chịu trách nhiệm trả số nợ này cho ngân hàng.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình ông bà hiện tại rất khó khăn nên xin cho ông bà thêm thời hạn 03 tháng nữa bị đơn sẽ thanh toán nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy:

Bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số HDTD9032022145 ngày 19/12/2022 và hai khế ước nhận nợ, vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng. Ngoài ra, ông K có ký hợp đồng sử dụng 01 thẻ tín dụng, hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Bị đơn đã nhận tiền vay và sử dụng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng của nguyên đơn nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận của hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn còn thiếu và lãi phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng là có cơ sở, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với Hợp đồng thế chấp đã ký là đúng theo quy định về hình thức và nội dung; tài sản thế chấp do bị đơn đứng tên, hợp đồng có công chứng, chứng thực, có đăng ký giao dịch đảm bảo nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nợ nếu bị đơn không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Xét mối quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án**: đây là vụ kiện tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] **Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi còn thiếu của Hợp đồng tín dụng; thấy rằng:**

Bị đơn thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng số HDTD9032022145 ngày 19/12/2022; Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 9032022145/01 ngày 20/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 9032022145/02 ngày 24/3/2023 với nguyên đơn, đã nhận được tiền vay đầy đủ nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo thoả thuận của hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn còn thiếu theo thoả thuận của hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ còn thiếu của hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 05/6/2026: tổng cộng là: 316.739.754 đồng (Ba trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng); trong đó:

Nợ gốc: 232.201.433 đồng + lãi trong hạn: 60.177.165 đồng + lãi quá hạn: 24.361.156 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/6/2026 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thoả thuận của hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký.

[2.2] **Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi còn thiếu của thẻ tín dụng; thấy rằng:**

Ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Tiến K có ký Giấy Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn; loại thẻ Visa JCB, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông K đã vi phạm nghĩa nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận của hợp đồng đã ký nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 05/6/2026, tổng cộng: 43.734.699 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc: 16.135.725 đồng + lãi quá hạn 27.598.974 đồng và lãi phát sinh kể từ 06/6/2026 khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký, là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] **Xét nguyên đơn yêu cầu được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo của hợp đồng thế chấp để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của bị đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng:**

[3.1] Vợ chồng ông Nguyễn Tiến K, bà Phạm Thị Ú có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC9032022145 ngày 19/12/2022; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 115, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.737m^2 LUC, toạ lạc tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cũ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07946 ngày 13/10/2022 do ông Nguyễn Tiến K đứng tên. Hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực.

[3.2] **Về phạm vi nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp**: được quy định tại Điều 1 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC9032022145 ngày 19/12/2022: Gồm Hợp đồng tín dụng số HDTD9032022145 ngày 19/12/2022 và các hợp đồng cấp tín dụng khác xác lập từ thời điểm ký hợp đồng thế chấp 19/12/2022 đến ngày 19/12/2027. Như vậy, tài sản thế chấp được đảm

bảo cho tất cả các nghĩa vụ của bị đơn với nguyên đơn theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, thẻ tín dụng,... do bị đơn ký kết và phát sinh với nguyên đơn trong thời gian từ ngày 19/12/2022 đến ngày 19/12/2027. Do đó, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo của hợp đồng thế chấp đã ký là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với việc bị đơn cho rằng: hiện tại hoàn cảnh gia đình bị đơn khó khăn nên xin cho thêm thời hạn 03 tháng nữa để thanh toán nợ; thấy rằng: yêu cầu này không được phía nguyên đơn đồng ý; hơn nữa, khả năng thanh toán của bị đơn sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án nên yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[5] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ**: 1.500.000 đồng: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm đồng).

[6] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ 360.474.453 đồng; tương ứng với số tiền án phí bị đơn phải chịu: 18.023.700 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 157, 158, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 167 Luật Đất đai.

- Điều 317, 318, 320, 323, 502 Bộ luật Dân sự.

- Điều 7, khoản 2 Điều 8 và Điều 12 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần L;

Buộc ông Nguyễn Tiến K và bà Phạm Thị Ú phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L tiền nợ còn thiếu, tạm tính đến ngày 05/6/2026; tổng cộng là **360.474.453** đồng (Ba trăm sáu mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng); cụ thể các khoản nợ còn thiếu của:

1/. Hợp đồng tín dụng số HDTD9032022145 ngày 19/12/2022; Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 9032022145/01 ngày 20/12/2022, Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 9032022145/02 ngày 24/3/2023; tổng cộng là: **316.739.754** đồng (Ba trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: nợ gốc: 232.201.433 đồng + lãi trong hạn: 60.177.165 đồng + lãi quá hạn: 24.361.156 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/6/2026 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thoả thuận của hợp đồng đã ký.

2/. Nợ Thẻ tín dụng theo Giấy Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/5/2023; tổng cộng là: **43.734.699 đồng** (Bốn mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc: 16.135.725 đồng + lãi quá hạn 27.598.974 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/6/2026 đến khi thanh toán tất nợ theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký.

Nếu Nguyễn Tiến K, bà Phạm Thị Ú không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC9032022145 ngày 19/12/2022 để thu hồi nợ, đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 115, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.737m^2 LUC, toạ lạc tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cũ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07946 ngày 13/10/2022 do ông Nguyễn Tiến K đứng tên.

2. **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ**:

Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn **1.500.000** đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

3. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

3.1 Bị đơn là ông Nguyễn Tiến K và bà Phạm Thị Ú phải chịu **18.023.700 đồng** (Mười tám triệu không trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm đồng) án phí.

3.2 Ngân hàng Thương mại Cổ phần L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **7.797.146 đồng** theo biên lai số 0011193 ngày 01/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Cần Thơ.

4. **Về quyền kháng cáo**: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Cần Thơ;
- Phòng T.H.A DS khu vực 3- Cần Thơ;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang